

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2024

Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bé Nhật Độ.

2. Bà Nguyễn Thị Út.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Biên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-DS, ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T; Sinh ngày 28/3/2000;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm BS, xã BĐ, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn:* Anh Nông Văn T2; Sinh ngày 29/4/2001;

Nơi đăng ký HKTT: Xóm BS, xã BĐ, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Không rõ (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2024, bản tự khai ngày 25/6/2024, nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Nông Văn T2 kết hôn vào ngày 20/02/2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng, kết hôn do tự nguyện. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 04 năm. Sau khi kết hôn, anh T2 về sống chung với gia đình của chị tại xóm BS, xã BĐ, T2 gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến ngày 20/3/2023 thì chị và anh T2 phát sinh mâu thuẫn do anh T2 ham chơi, lười lao động, chị và gia đình có góp ý nhiều lần nhưng anh T2 vẫn không thay đổi. Do vậy hai vợ chồng đã ly thân từ ngày 01 tháng 5 năm 2024 do anh T2 bỏ nhà đi làm thuê ở thành phố Cao Bằng nhưng không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Nay chị yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh T2. Trong thời

gian chung sống, chị và anh T2 có 01 con chung tên là Hoàng Nông Hương T3, sinh ngày 15/12/2023, giới tính: Nữ, hiện tại con chung đang ở với chị và gia đình tại xóm BS, xã BÐ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Khi ly hôn chị yêu cầu được là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung thì không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nông Văn T2 không có bản khai, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 15/7/2024 tại chính quyền địa phương, ông Trần Xuân Quỳnh – Bí thư chi bộ, Trưởng xóm BS xác nhận: Vợ chồng chị T, anh T2 mới xây dựng gia đình với nhau được hơn một năm, anh T2 quê ở xã Kim Đồng, huyện Thạch An, sau khi kết hôn thì anh T2 chuyển đến nhà chị T sinh sống. Quá trình chung sống thì anh T2 lười lao động nên giữa anh T2 và gia đình nhà chị T có xảy ra mâu thuẫn, khi xảy ra mâu thuẫn thì phía chị T và cả anh T2 không những tìm cách cùng nhau giải quyết mâu thuẫn mà còn hay đăng tin trên mạng xã hội. Hiện tại chính quyền không thấy anh T2 có mặt tại địa phương nên không biết việc chị T và anh T2 đã ly thân hay chưa. Chính quyền địa phương xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T2 là có, tuy nhiên không ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của xóm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị T kết hôn với anh Nông Văn T2, Hộ khẩu thường trú: Xóm BS, xã Bạch Đằng, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Nay chị Thuý khởi kiện xin ly hôn với anh T2, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh T2 kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều cố tình vắng mặt, không cung cấp lời khai, chính quyền địa phương cũng không biết hiện nay anh T2 đang ở đâu. Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh T2 vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa và bị đơn anh T2 không có yêu cầu phản tố nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T2.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nông Văn T2 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 20/2/2023 tại Ủy ban nhân dân xã BĐ, Hòa An, Cao Bằng nên quan hệ hôn nhân của chị Thuý và anh T2 là hợp pháp. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống thì chị T và anh T2 phát sinh mâu thuẫn do hai bên không thể hòa đồng trong cuộc sống hàng ngày, việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận, đã không sống chung với nhau từ 01/5/2024 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn có thể hàn gắn được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T2.

Xét thấy thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T2 đã có những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến không còn tình nghĩa vợ chồng, đã ly thân từ tháng 5 năm 2024, không còn quan tâm đến nhau. Do vậy, chị T có đơn yêu cầu ly hôn với anh T2 là có cơ sở và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T xác định giữa chị và anh T2 có 01 con chung, tên là Hoàng Nông Hương T3, sinh ngày 15/12/2023, giới tính: Nữ, hiện tại con chung đang ở với chị và gia đình tại xóm BS, xã BĐ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Khi ly hôn chị yêu cầu được là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về vấn đề này, Hội đồng xét xử thấy rằng, con chung hiện nay còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên khi ly hôn giao con chung cho chị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng, do chị T không yêu cầu đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T xác nhận là vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81,82, 83,84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nông Văn T2.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Nông Hương T3, sinh ngày 15/12/2023 cho chị Hoàng Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nông Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng anh T2 không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của chị T. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết chị T và anh T2 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn sung Ngân sách Nhà nước. Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001423 ngày 26/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã MK, huyện TA;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lục Thanh Hải